

Số: /QĐ-ĐS

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 33/2025/TT-BXD ngày 14/11/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 34/2025/TT-BXD ngày 14/11/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-ĐS ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành Quy chế về công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 1355/UQ-ĐS ngày 19/4/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Ban An ninh - An toàn giao thông đường sắt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt” của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế “Quy định công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt” ban hành kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-ĐS ngày 20/7/2018 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng công ty và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, HĐQT, KSV TCT (b/c);
- Ban điều hành TCT;
- Công đoàn ĐSVN, Đoàn TN TCT;
- Lưu: VT, ANAT (5).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

Công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐS, ngày tháng 4 năm 2026 của
Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt nhằm phát hiện, chấn chỉnh các thiếu sót và xử lý kịp thời các vi phạm, đồng thời thông qua công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, cá nhân trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, đưa công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt vào kỷ cương, nề nếp.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trình tự, nội dung công tác kiểm tra đảm bảo an toàn giao thông đường sắt đối với các hoạt động trên mạng lưới đường sắt quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tổng công ty ĐSVN).

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên đường sắt quốc gia;
- Các phương tiện giao thông đường sắt hoạt động trên các tuyến đường sắt quốc gia do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý;
- Các phương tiện giao thông đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý trên các tuyến đường sắt chuyên dùng có kết nối với đường sắt quốc gia;
- Hệ thống kết cấu hạ tầng, thông tin tín hiệu đường sắt do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý.

Điều 3. Giải thích từ viết tắt

- GTĐS: Giao thông đường sắt.
- Trung tâm ĐHVTĐS: Trung tâm điều hành vận tải đường sắt.
- Tổng công ty ĐSVN: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- Chi nhánh KTĐS: Chi nhánh Khai thác đường sắt.
- Chi nhánh XNĐM: Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy.

6. *Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN bao gồm:* các Chi nhánh Khai thác đường sắt, các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy.

7. *Công ty CP VTĐS:* Công ty cổ phần vận tải đường sắt.

8. *Công ty CPĐS:* Công ty cổ phần đường sắt.

9. *Công ty CPTTTHĐS:* Công ty cổ phần thông tin tin hiệu đường sắt.

10. *ATGTĐS:* An toàn giao thông đường sắt.

11. *AN-ATGTĐS:* An ninh – An toàn giao thông đường sắt.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA AN TOÀN GTĐS

Điều 4. Nguyên tắc của công tác kiểm tra

1. Tại một thời điểm, ở một đơn vị chỉ có duy nhất một đoàn kiểm tra về công tác đảm bảo an toàn GTĐS. Trường hợp tại một thời điểm ở một đơn vị có nhiều đoàn kiểm tra:

a) Khi có đoàn kiểm tra của Tổng công ty ĐSVN thì chủ trì là Trưởng đoàn kiểm tra của Tổng công ty;

b) Khi không có đoàn kiểm tra của Tổng công ty thì chủ trì là Trưởng đoàn kiểm tra cấp trên cao nhất của đơn vị được kiểm tra.

2. Người chủ trì kiểm tra có trách nhiệm quyết định các nội dung kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong đoàn kiểm tra; kết luận kết quả kiểm tra và chịu trách nhiệm về các kết luận kiểm tra.

3. Công tác kiểm tra phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ và an toàn GTĐS; bảo đảm khách quan, trung thực, không gây phiền hà cho đơn vị được kiểm tra.

4. Công tác kiểm tra phải có bút tích nhận xét về kết quả kiểm tra và biên bản kiểm tra (có mẫu phụ lục kèm theo); biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản:

a) 01 bản lưu của đoàn kiểm tra;

b) 01 bản lưu đơn vị được kiểm tra;

Trường hợp phát hiện các vi phạm có liên quan đến nhiều đơn vị uy hiếp đến an toàn GTĐS thì sao gửi về cấp trên trực tiếp của đơn vị được kiểm tra để xem xét xử lý.

Điều 5. Phạm vi kiểm tra

1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS của tất cả các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động trên toàn mạng lưới đường sắt quốc gia thuộc Tổng công ty quản lý, khai thác.

2. Các đơn vị

Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác an toàn mọi mặt tại các đơn vị trực thuộc theo chức năng nhiệm vụ, phạm vi quản lý.

Điều 6. Nhiệm vụ của đoàn (tổ) kiểm tra

1. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN và Thủ trưởng các đơn vị quy định. Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện các sai sót, vi phạm của các đơn vị khác (ngoài phạm vi kiểm tra của đoàn) thì đoàn kiểm tra chấn chỉnh kịp thời và thông báo cho đơn vị có vi phạm để xử lý.

2. Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản và tổng hợp kết quả kiểm tra báo cáo lãnh đạo đơn vị theo quy định.

3. Thông báo rộng rãi kết quả kiểm tra, yêu cầu xử lý các vi phạm phát hiện trong công tác kiểm tra của đơn vị để rút kinh nghiệm.

Điều 7. Quyền hạn của các đoàn (tổ) kiểm tra

1. Yêu cầu cá nhân, đơn vị được kiểm tra cung cấp các tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Đình chỉ các hoạt động của người lao động, phương tiện, thiết bị, kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn theo quy định.

3. Các đoàn kiểm tra của Tổng công ty được lên các phương tiện GTĐS, vào các vị trí làm việc để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

4. Khi đoàn kiểm tra thấy việc xử lý vi phạm sau kiểm tra của các đơn vị chưa đúng thì yêu cầu đơn vị xem xét xử lý theo đúng các quy định.

Điều 8. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra theo chương trình kế hoạch là kiểm tra theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kiểm tra đột xuất là kiểm tra không theo kế hoạch, chủ yếu kiểm tra hiện trường, kiểm tra vào ban đêm (từ sau 0h00' đến trước 05h00' hàng ngày).

3. Ứng dụng khoa học công nghệ để thực hiện công tác kiểm tra qua: hệ thống camera, dữ liệu thiết bị đuôi tàu, băng tốc độ đầu máy, giám sát hành trình tuần đường...

Điều 9. Chế độ kiểm tra của các chức danh lãnh đạo quản lý, lao động quản lý

1. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty kiểm tra các đơn vị ít nhất 01 lần/quý.

2. Ban AN-ATGTĐS ít nhất 02 lần/tháng; các Ban chuyên môn ít nhất 01 lần/tháng.

3. Đối với Phân ban AN-ATGTĐS

a) Lãnh đạo kiểm tra ít nhất 04 lần/tháng;

b) Chuyên viên: ít nhất 08 lần/tháng;

c) Thực hiện số lượt kiểm tra đột xuất, hoặc áp máy ban đêm trên một tuyến đường sắt (trong phạm vi quản lý) ít nhất 02 lần/tháng.

4. Các đơn vị

a) Hàng tháng phải xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS, thông báo trong toàn đơn vị;

b) Chế độ kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất của các chức danh liên quan trong đơn vị (không bao gồm kiểm tra nghiệm thu, phúc tra sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đối với các Công ty CPĐS, Cổ phần TTTHĐS; áp máy kiểm tra trạng thái kỹ thuật cầu, đường, thông tin tín hiệu của các đơn vị quản lý KCHT đường sắt):

- Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các đơn vị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị: ít nhất 01 lần/tháng;

- Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc): ít nhất 02 lần/tháng, trong đó có ít nhất 01 lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó giám đốc): ít nhất 03 lần/tháng/người, trong đó có ít nhất 02 lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Trưởng, phó các phòng (kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn), Quản đốc Phân xưởng vận dụng đầu máy, toa xe: ít nhất 04 lần/tháng/người, trong đó có ít nhất 02 lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Chức danh Giám sát khu vực: ít nhất 02 lần/tháng/đơn vị trong khu vực được giao quản lý, theo dõi, trong đó có ít nhất 50% số lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm; ít nhất 01 lần/tháng đối với các ga không tổ chức chạy tàu hoặc chạy tàu không thường xuyên;

- Chức danh Trưởng ga, Cung trưởng cung chắn, Cung trưởng cầu đường, Cung trưởng cung thông tin tín hiệu,... số lần kiểm tra do lãnh đạo đơn vị quy định (nhưng không ít hơn 04 lần/tháng, riêng cung trưởng cung chắn mỗi lần phải kiểm tra toàn bộ các trạm chắn trong phạm vi quản lý), trong đó có ít nhất 50% số lần kiểm tra đột xuất vào ban đêm;

- Trưởng ga thuộc các Chi nhánh KTĐS ngoài việc kiểm tra trong nội bộ ga phải thực hiện công tác kiểm tra đối với các bộ phận của đơn vị thuộc liên hiệp lao động khu ga ít nhất 01 lần/tháng.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân được kiểm tra

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn, cán bộ kiểm tra hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được quy định.

2. Ký vào biên bản kết quả kiểm tra, tiếp thu và có biện pháp khắc phục các tồn tại, xử lý các vi phạm theo quy chế hiện hành và báo cáo kết quả về đơn vị kiểm tra (trường hợp có những vấn đề chưa thống nhất với kết luận của đoàn kiểm tra thì ghi ý kiến bảo lưu vào biên bản kiểm tra để xem xét).

3. Phản ánh hành vi không phù hợp của cán bộ, đoàn kiểm tra để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 11. Trình tự kiểm tra

1. Kiểm tra theo chương trình kế hoạch

a) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, trình Lãnh đạo đơn vị phê duyệt;

b) Trước 7 ngày làm việc phải thông báo đến đơn vị và cấp trên trực tiếp của đơn vị được kiểm tra để đơn vị chuẩn bị nội dung báo cáo và cử Lãnh đạo làm việc với đoàn;

c) Tiến hành kiểm tra

- Đơn vị được kiểm tra báo cáo theo yêu cầu các nội dung kiểm tra;

- Phân công các thành viên trong đoàn tiến hành kiểm tra thực tế trên sổ sách nội nghiệp và hiện trường;

- Tập hợp kết quả kiểm tra để Trưởng đoàn thống nhất ghi biên bản kiểm tra (lưu ý trong biên bản kiểm tra cần ghi rõ nội dung, đề xuất, kiến nghị);

- Họp đoàn kiểm tra với Lãnh đạo đơn vị để thông báo kết quả kiểm tra.

d) Thông báo kết quả kiểm tra và theo dõi kết quả xử lý các tồn tại, vi phạm phát hiện trong quá trình kiểm tra.

2. Kiểm tra đột xuất

a) Trưởng đoàn (tổ) kiểm tra báo cáo Lãnh đạo trực tiếp kế hoạch, chương trình kiểm tra đột xuất;

b) Xuất trình thẻ kiểm tra, các giấy tờ cần thiết liên quan đến nhiệm vụ của người kiểm tra đối với tập thể cá nhân được kiểm tra và tiến hành kiểm tra;

c) Lập biên bản kết quả kiểm tra hoặc ghi kết quả vào sổ kiểm tra của đơn vị được kiểm tra;

d) Thông báo kết quả kiểm tra và theo dõi kết quả xử lý các tồn tại, vi phạm phát hiện trong quá trình kiểm tra.

Điều 12. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra công tác quản lý ATGTĐS

a) Tổ chức học tập và triển khai thực hiện Luật đường sắt, các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định, các văn bản của các cấp có liên quan đến công tác đảm bảo ATGTĐS; các quy phạm, quy trình chạy tàu, sửa chữa bảo dưỡng KCHT, phương tiện GTĐS;

b) Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công tác quản lý ATGTĐS của đơn vị;

c) Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nghiệp vụ kỹ thuật cho CBCNV;

d) Quản lý, cấp phát các vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ đảm bảo ATGTĐS (cờ, đèn, chèn, pháo, biển phòng vệ, tín hiệu cảnh báo, thiết bị phòng chống cháy nổ, dụng cụ thoát hiểm...); vật tư, phụ tùng dự phòng phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện GTĐS;

đ) Xây dựng và triển khai, chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn; xây dựng kế hoạch kiểm tra và triển khai thực hiện của đơn vị;

e) Quản lý hồ sơ kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật, các quy trình sửa chữa định kỳ, công tác nghiệm thu các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng;

g) Theo dõi, quản lý, kiểm tra sức khỏe đối với các chức danh trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu trước khi lên, xuống ban;

h) Các bảng biểu, nội quy, sổ sách ấn chỉ và việc ghi chép đúng và đủ theo quy định;

i) Xây dựng phương án phối hợp giải quyết cứu hộ, cứu nạn, điều tra, phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt trong phạm vi đơn vị quản lý;

k) Bố trí nhân lực, vị trí, phương tiện, trang thiết bị và chế độ thường trực phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn;

l) Chứng chỉ nghề nghiệp của các nhân viên trực tiếp làm công tác chạy tàu;

m) Thực hiện chế độ đồng phục, bảo hộ lao động, tư thế tác phong;

n) Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động để đảm bảo ATGTĐS;

o) Công tác liên hiệp lao động của các đơn vị trong khu vực;

p) Theo dõi các điểm đen về ATGTĐS, các điểm vi phạm hành lang ATGTĐS, các điểm xung yếu và các biện pháp đảm bảo an toàn chạy tàu khi có bão lũ xảy ra;

q) Phân tích quy trách nhiệm các sự cố, tai nạn chạy tàu và xử lý vi phạm sau kiểm tra; biện pháp khắc phục; chế độ thống kê báo cáo;

r) Vệ sinh công nghiệp, an toàn về điện, cháy nổ.

2. Kiểm tra theo nghiệp vụ chuyên môn

a) Hệ đầu máy

- Kiểm tra đầu máy đang vận dụng:

+ Với ban lái tàu: chứng chỉ nghề nghiệp, sự hiểu biết các quy định về ATGTĐS, nghiệp vụ chuyên môn của ban lái tàu, trạng thái sức khỏe, nồng độ cồn...;

+ Với đầu máy: sự đầy đủ của các trang thiết bị, dụng cụ phòng vệ, dụng cụ đảm bảo an toàn và hoạt động của các thiết bị đó (cờ, đèn tín hiệu tay, chèn, pháo phòng vệ, chống ngủ gật, hệ thống chiếu sáng, hệ thống còi, thiết bị theo dõi tốc độ, niêm phong thiết bị lưu giữ tốc độ, hệ thống camera, cảnh báo...); số lượng, chất lượng của dụng cụ, vật tư dự phòng; công tác vệ sinh, sự ngăn nắp và các quy định khác.

- Tại khu vực tác nghiệp chỉnh bị:

+ Sổ khai báo chất lượng máy và các công việc đã sửa chữa hoàn thiện đối với đầu máy đang kiểm tra;

+ Mức độ hoàn thiện chế độ tác nghiệp, chỉnh bị đầu máy trước khi ra kho kéo tàu.

- Kiểm tra tại xưởng sửa chữa các cấp:
 - + Công tác quản lý hồ sơ, lý lịch theo dõi của đầu máy;
 - + Việc thực hiện các quy trình, quy phạm và các văn bản quy định trong quá trình sửa chữa các cấp;
 - + Công tác quản lý, cấp phát vật tư; số lượng vật tư, phụ tùng dự phòng phục vụ sửa chữa.
- Kiểm tra áp máy chạy đơn hoặc kéo tàu hoạt động trên đường: Việc kiểm tra có thể tiến hành từ ga xuất phát hoặc từ ga dừng tàu dọc đường; có thể suốt hành trình hoặc theo cung đoạn. Ngoài việc thực hiện các nội dung kiểm tra đầu máy đã nêu trên, cần kiểm tra một số nội dung:
 - + Việc chấp hành các quy định về ATGTĐS, trình tự tác nghiệp của ban lái tàu trong suốt hành trình (chế độ hô đáp, kéo còi, thao tác hãm, quan sát phía trước và đuôi đoàn tàu...);
 - + Việc giám sát chất lượng đầu máy, hoạt động của các thiết bị an toàn;
 - + Việc chấp hành các quy định liên quan đến ATGTĐS, công lệnh, chỉ thị... của các nhân viên trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu làm việc dưới mặt đất như tuần đường, gác chắn, trực ban, gác ghi, gác cầu...;
 - + Trạng thái cầu, đường, TTHH và tầm nhìn tín hiệu...;
 - + Thiết bị tín hiệu đuôi tàu: kết nối của lái tàu điều khiển với máy chính đuôi tàu, tính năng tác dụng của thiết bị;
 - + Phát hiện các nguy cơ uy hiếp đến ATGTĐS khác.
- Tại nơi nghỉ cho Lái tàu lên, xuống ban:
 - + Các điều kiện sinh hoạt, nghỉ ngơi và vệ sinh cho ban lái tàu;
 - + Đối chiếu giữa bảng đăng ký ngoài phòng nghỉ và thực tế lái tàu đang nghỉ tại phòng; việc nhắc nhở và đôn đốc lên ban; theo dõi quản lý tỉ mỉ thời gian nghỉ ngơi của lái tàu.

b) Hệ toa xe

- Công tác kiểm tra khám chữa đoàn tàu:
 - + Đội hình khám chữa toa xe lên ban: nhân lực lên ban, phân công chức danh công tác, đội hình khám chữa, chế độ giao nhận ban theo quy định; tư thế tác phong, thực hiện chế độ bảo hộ lao động; số lượng, chất lượng dụng cụ khám chữa và thực hiện các quy định khác liên quan đến ATGTĐS;
 - + Thử hãm đoàn tàu về: việc triển khai bố trí đội hình tại đường đón tàu; tư thế, động tác đón tàu của các chức danh; công tác phòng vệ trước khi thử hãm; trình tự thử hãm và các bước thử hãm theo quy định;
 - + Khám chữa đoàn tàu về: phòng vệ đoàn xe trước khi khám theo quy định; triển khai đội hình khám chữa; thực hiện khám xét đoàn xe; đánh dấu, ghi chép các hư hỏng phát hiện trong quá trình khám xét đoàn xe; đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thực hiện;

+ Khám chữa đoàn tàu đi: công tác khám chữa thực hiện các bước kiểm tra như đối với khám chữa đoàn tàu về; đối với đoàn tàu khách công tác kiểm tra, chỉnh bị đoàn tàu thực hiện theo quy định (kiểm tra, sửa chữa các bộ phận chạy, hệ thống hãm, trang thiết bị phục vụ hành khách, máy phát...);

+ Thử hãm đoàn tàu đi: công tác phòng vệ, đội hình thử hãm; trình tự và các bước thử hãm; việc xử lý khi phát hiện sự cố và kiểm tra ghi chép để trạm khám xe sau biết và xử lý (theo quy định tác nghiệp); xác nhận chất lượng hãm đoàn tàu với hội đồng thử hãm (ký biên bản xác nhận chất lượng hãm...);

+ Tiễn tàu đi: vị trí, đội hình tiễn tàu; tư thế tiễn tàu của từng công nhân khám xe; biện pháp xử lý nếu phát hiện được hư hỏng của toa xe khi tiễn tàu và sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ của công nhân khám chữa toa xe.

- Kiểm tra trạng thái kỹ thuật từng toa xe:

+ Lý lịch của các toa xe: thời gian sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, thông số kỹ thuật, cấu tạo và tính năng sử dụng của toa xe theo quy định (ngày tháng năm đóng mới, sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng kỹ thuật: khám hãm, khám móc, bơm mỡ, làm dầu...);

+ Kiểm tra trạng thái kỹ thuật thực tế của toa xe:

* Thân xe: độ nghiêng lệch của thùng xe; độ phình, cong võng thùng bệ, chân cầu, tay vịn, cửa lên xuống;

* Bộ phận đầu xe: súp lê, cầu giao thông, thành đầu xe;

* Đầu đấm móc nối: cần giật, đầu móc, lưỡi móc, chiều cao đầu đấm, thân móc, cổ móc, bộ phận đỡ đấm;

* Bộ phận giá chuyển hướng: xà bệ, còi chuyển, bàn trượt, lò xo, xà nhún, xà liên kết, xà mang guốc hãm, suốt hãm, quang an toàn, độ hở khung giá, độ hở ống gió, trục bánh xe, hộp trục, van LV3, DP3, lò xo không khí...;

* Bộ phận hãm toa xe: hãm đầu xe (vòi hãm, khóa cắt gió, hãm tay), hãm bụng xe, thùng gió, nồi hãm, các van hãm, suốt hãm, ống gió, các khóa gió và các thiết bị hãm khác;

* Các thiết bị treo dưới bệ xe: thùng nước, máy phát điện, thiết bị vệ sinh ...;

* Hệ thống điện trên toa xe, các trang thiết bị phục vụ hành khách (máy điều hòa không khí, máy phát điện, các loại cửa, giường...);

* Trạng thái lò xo của toa xe khi có tải trọng;

* Thiết bị an toàn: đồng hồ áp suất gió, van hãm khẩn cấp, hãm tay... lắp bên trong toa xe;

* Thiết bị phòng chống cháy nổ, dụng cụ thoát hiểm trang bị trên toa xe.

- Kiểm tra công nhân kỹ thuật theo tàu (bao gồm áp tải kỹ thuật toa xe và áp tải kỹ thuật điện, máy nổ, điều hòa không khí):

+ Nhân lực lên ban (họ tên từng chức danh, bậc thợ, chứng chỉ nghề, tư thế tác phong, đồng phục, bảo hộ lao động, băng biển từng chức danh theo quy

định...); chế độ lên, xuống ban; trình độ hiểu biết về quy trình, trình tự tác nghiệp khám chữa toa xe, biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn...;

- + Các loại sổ sách ghi chép, nhật ký, ấn chỉ mang theo tàu;

- + Dụng cụ, vật tư dự phòng mang theo.

- Kiểm tra tại xưởng sửa chữa các cấp:

- + Công tác quản lý hồ sơ, lý lịch theo dõi của toa xe;

- + Việc thực hiện các quy trình, tiêu chuẩn và các văn bản quy định trong sửa chữa các cấp;

- + Công tác quản lý, cấp phát vật tư; số lượng phụ tùng, vật tư dự phòng phục vụ sửa chữa.

- Kiểm tra lực lượng, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn:

- + Dụng cụ, trang thiết bị trên toa xe nhiệm sở (kích các loại, gổ kê, máy hàn cắt hơi, thiết bị chiếu sáng và dụng cụ cứu viện khác ...): công tác bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành... để sẵn sàng phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn;

- + Đoàn cứu hộ, cứu nạn và các trang thiết bị trên các đoàn cứu hộ: công tác bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, vật tư dự phòng...;

- + Phương án bố trí vị trí thường trực, công tác thường trực cứu hộ, cứu nạn của lực lượng, phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn.

c) Hệ Khai thác - Vận tải

Kiểm tra các bộ phận trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu: nhân viên điều độ chạy tàu, trực ban chạy tàu, gác ghi, trưởng đồn, móc nối, trưởng tàu, nhân viên trên tàu gồm các nội dung:

- Việc bảo quản, ghi chép sổ sách, ấn chỉ chạy tàu, thực hiện các trình tự tác nghiệp theo quy định và sự hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ (phổ biến kế hoạch chạy tàu cho các chắn đường ngang, các chòi ghi; đồn, lập xác nhận hãm, cảnh báo, nhật ký đoàn tàu, báo cáo vận chuyển...); biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn...;

- Trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác chạy tàu, công tác cứu hộ, cứu nạn và phòng chống cháy nổ, số lượng và chất lượng từng loại;

- Công tác thường trực; thực hiện trình tự tác nghiệp đón, gửi, dồn tàu; tư thế tác phong, chế độ đồng phục, bảo hộ lao động và các quy định khác đối với chức danh phục vụ công tác chạy tàu theo quy định;

- Việc sử dụng, bảo quản các thiết bị chạy tàu (thiết bị thông tin, đài không chế...);

- Việc thực hiện chế độ giao nhận và kiểm ban;

- Công tác báo cáo, phối hợp cứu hộ, cứu nạn và biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra;

- Vệ sinh công nghiệp, an toàn về điện, phòng chống cháy nổ.

- Biện pháp khắc phục các tồn tại mà các đoàn kiểm tra trước phát hiện;

d) Hệ cầu đường

- Kiểm tra cung cầu, đường:

+ Kiểm tra thực tế hiện trường trong quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, việc đảm bảo ATGTĐS đối với các mặt công tác chính gồm: Nền đá, nền đường; cọc mốc, biển hiệu, tín hiệu; vật liệu; đường ngang; cự ly, thủy bình, cao thấp phương hướng; phụ tùng nối giữ; ray; tà vẹt; đầu mối ray; khe hở ray; kích thước nền đá và đối chiếu với sổ sách quản lý của đơn vị;

+ Việc bố trí nhân lực, vật tư để thực hiện việc sửa chữa, duy tu khẩn cấp các điểm xấu ảnh hưởng đến ATGTĐS.

- Kiểm tra hệ tuần, gác:

+ Hành trình tuần đường, tuần cầu: thời gian đi, về và việc giao nhận thẻ bài;

+ Việc quản lý, ghi chép sổ sách (sổ giao ban tuần đường, nhật ký đường ngang, kế hoạch ban, kế hoạch giai đoạn, sổ mệnh lệnh... theo quy định); việc ký xác nhận hành trình của tuần đường tại sổ nhật ký đường ngang;

+ Dụng cụ, trang thiết bị đảm bảo ATGTĐS (cờ, đèn, còi, pháo phòng vệ, dụng cụ duy tu, biển phòng vệ di động ngừng, đồng hồ và một số dụng cụ cần thiết khác);

+ Việc thực hiện trình tự tác nghiệp; sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ; tư thế tác phong, chế độ đồng phục, bảo hộ lao động; thao tác sử dụng hệ thống thông tin tín hiệu;

+ Trạng thái, chất lượng đường ngang, mặt đường ngang, dàn chắn, cần chắn, thiết bị phòng vệ, hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu (bao gồm cả đường ngang và lối đi tự mờ);

+ Công tác báo cáo, phối hợp cứu hộ, cứu nạn và biện pháp xử lý khi có sự cố, tai nạn GTĐS xảy ra;

+ Vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ;

+ Biện pháp khắc phục các tồn tại mà các đoàn kiểm tra trước phát hiện.

- Kiểm tra vi phạm hành lang an toàn GTĐS: Cây cối, các công trình xây dựng, các chướng ngại vật khác...;

- Kiểm tra bằng các thiết bị chuyên dùng (Máy EM120...).

đ) Hệ thông tin, tín hiệu đường sắt

- Biểu thị tín hiệu phải rõ ràng, chính xác;

- Tầm nhìn tín hiệu cả ban ngày và ban đêm (đảm bảo các chức danh làm công tác chạy tàu xác nhận rõ ràng, chính xác);

- Trạng thái hoạt động của các tín hiệu (vào, ra ga, dồn, phòng vệ, vào bãi...) hiển thị ở các trạng thái khác nhau phải đúng nguyên lý hoạt động của thiết bị;

- Thiết bị đóng đường khu gian, đảm bảo hoạt động chính xác đúng trình tự các bước xin, cho đường và liên khóa với tín hiệu đón, gửi tàu;

- Đối với loại tín hiệu có cánh về ban đêm đều phải có ánh đèn ở phía sau. Hệ thống tay bẻ và đường dây kéo phải hoạt động linh hoạt; tay bẻ có chốt hãm ở các vị trí theo quy định;

- Độ linh hoạt của các nút ấn trên đài không chế; biểu thị chính xác giữa tín hiệu trên đài không chế và tín hiệu thực tế; kẹp chì của các nút ấn;

- Liên khoá giữa ghi, tín hiệu, đường chạy đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;

- Hoạt động của hệ thống thiết bị tín hiệu ở chế độ cấp nguồn một chiều và xoay chiều, tủ nguồn tín hiệu cấp nguồn cho tín hiệu trong ga; hệ thống mạch điện đường ray trong phạm vi ga hoạt động đúng thiết kế;

- Máy bẻ ghi, động cơ quay ghi, các bộ khoá ghi, độ hở, độ mở lưỡi ghi ở cả định vị và phản vị, các bu lông bắt trụ ghi, khớp nối đạo quản, các ốc điều chỉnh A, B, bàn trượt và chốt an toàn ...;

- Đối với ghi hộp khoá điện và ghi động cơ điện cần phải thử quan hệ liên khoá cùng với đài không chế, độ tin cậy của ghi khi được khoá và hoạt động của ghi ở trạng thái bình thường; tiếp điểm hộp khoá điện của các ghi;

- Tại đường ngang có người gác bao gồm: hoạt động của thiết bị thông tin giữa ga và đường ngang; tín hiệu đèn, chuông trên cột ngăn đường bộ, đài điều khiển tín hiệu đường ngang, kẹp chì nút trở ngại trên đài điều khiển và các trang thiết bị hỗ trợ khác (nếu có);

- Tại đường ngang cảnh báo tự động: hoạt động của thiết bị khi có tàu chạy qua đường ngang, tín hiệu đèn, chuông, loa phát thanh, việc cần chắn nâng, hạ (đối với đường ngang cần chắn tự động); theo dõi thời gian cảnh báo và ngắt cảnh báo; tín hiệu khi có sự cố hoặc duy tu, sửa chữa; sổ kiểm tra, bảo dưỡng của nhân viên thông tin tín hiệu;

- Việc thực hiện kế hoạch duy tu, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị thông tin tín hiệu, các máy điện thoại phải nghe rõ, ít tạp âm;

- Việc sử dụng thiết bị thông tin, cung cấp nguồn điện, chất lượng đường dây truyền dẫn.

e) Công tác kiểm tra thi công trên đường sắt và trong phạm vi hành lang an toàn đường sắt:

- Các thủ tục thi công: giấy phép thi công theo quy định hiện hành; biên bản bàn giao an toàn của các đơn vị quản lý và đơn vị thi công; đề cương (hoặc phương án thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt); hồ sơ biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn (phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; mệnh lệnh phong tỏa, mệnh lệnh cho phép thi công của điều độ chạy tàu, các giấy tờ khác do trực ban chạy tàu ga cấp; chứng chỉ “An toàn chạy tàu trong điều kiện vừa thi công vừa tổ chức chạy tàu” của chỉ huy công trường và kỹ thuật thi công;

- Biện pháp phòng vệ trong thi công: cấm biển báo trước, biển thực hiện; bố trí phòng vệ, thắp đèn ban đêm tại biển thực hiện theo quy định;

- Thi công theo đúng các phương án đã được phê duyệt;

- Chứng chỉ an toàn của các công nhân làm việc trên công trường;
- Việc trang bị bảo hộ lao động cho phụ trách thi công, người lao động trên công trường;
- Phương án đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa bão;
- Biện pháp đảm bảo an toàn trong thi công;
- Công tác phối hợp cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố, tai nạn GTĐS.

Chú ý: Ngoài các nội dung được quy định trên đây cán bộ và các đoàn kiểm tra còn phải căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến nội dung công tác đảm bảo ATGTĐS để kiểm tra và thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Xử lý sau kiểm tra

1. Sau các đợt kiểm tra, các đoàn kiểm tra phải ra thông báo kết quả kiểm tra, các tồn tại, vi phạm cần xử lý và yêu cầu các đơn vị xử lý theo quy định.
2. Khi nhận được thông báo kết quả kiểm tra, lãnh đạo các đơn vị phải tổ chức họp phân tích, xử lý các đơn vị, cá nhân có vi phạm.
3. Đối với các vi phạm nghiêm trọng uy hiếp đến ATGTĐS đã bị tạm thời đình chỉ, đơn vị phải có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời để đảm bảo ATGTĐS, không để chậm tiến độ và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền về công tác khắc phục.
4. Khi thực hiện kiểm tra, hậu kiểm nếu các vi phạm đã yêu cầu xử lý mà đơn vị chưa xử lý theo quy định thì lập biên bản, báo cáo Tổng công ty ĐSVN để có biện pháp xử lý đối với người đứng đầu của đơn vị đó.
5. Kết quả phân tích, xử lý các vi phạm sau kiểm tra đơn vị phải gửi kết quả bằng văn bản cho đoàn kiểm tra.
6. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra của đơn vị trong tháng theo quy định gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Phân ban AN-ATGTĐS khu vực và Ban AN-ATGTĐS) để tập hợp, theo dõi.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CẤP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG THẺ KIỂM TRA AN TOÀN

Điều 14. Thẻ kiểm tra an toàn

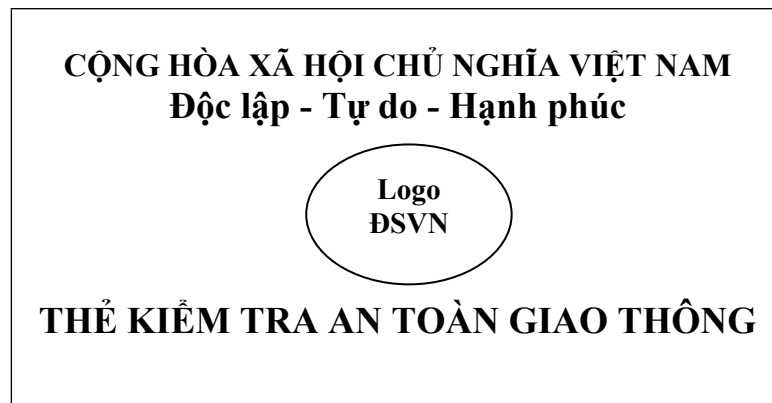
1. Thẻ kiểm tra an toàn là chứng chỉ chứng nhận cá nhân được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS thuộc phạm vi quản lý; thẻ do Tổng công ty ĐSVN cấp cho các cá nhân làm công tác an toàn để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác kiểm tra đảm bảo ATGTĐS.
2. Thẻ là hình thức thay thế cho giấy giới thiệu hoặc quyết định kiểm tra; chỉ được dùng khi kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS; không sử dụng thẻ kiểm tra an toàn thay thế cho các loại giấy tờ khác và vào mục đích khác.

Điều 15. Mẫu thẻ và thời hạn sử dụng thẻ

1. Thẻ hình chữ nhật, rộng 58 mm, dài 87 mm, gồm phôi thẻ và màng bảo vệ. Nội dung trên thẻ được trình bày theo phong chữ của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ Việt Unicode) theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

2. Phôi Thẻ gồm 2 mặt theo mẫu:

a) Mặt trước thẻ kiểm tra (hình 1) nền màu đỏ, chữ in màu vàng; ở giữa là hình ảnh logo Tổng công ty ĐSVN, phía dưới là dòng chữ in hoa “THẺ KIỂM TRA AN TOÀN GIAO THÔNG” (khổ chữ 16) và trên cùng là dòng chữ Quốc hiệu (khổ chữ 9);



Hình 1

b) Mặt sau thẻ kiểm tra (hình 2) nền màu vàng nhạt, có đường viền màu đỏ bao quanh; chính giữa là hoa văn hình logo Tổng công ty ĐSVN bao quanh là các tia hoa văn lan tỏa ra xung quanh với các hàng chữ “ĐSVN”; Nội dung trên mặt sau có các thông tin thể hiện như trên mẫu (hình 2), trong đó:

- (1) Ghi số thẻ: Số thẻ gồm các chữ số/ĐSVN, trong đó các chữ số là số thứ tự của người được cấp thẻ;
- (2) Ghi chức danh của người ký;
- (3) Chữ ký, họ và tên người ký và dấu của Tổng công ty ĐSVN;
- Ảnh màu cỡ 3 x 4; được đóng 1/4 dấu của Tổng công ty ĐSVN.

BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM	
Số (1) /ĐSVN Ảnh màu 3x4 Có giá trị đến:	Cấp cho ông, bà: Chức danh: Đơn vị: Được quyền kiểm tra việc chấp hành các quy định về trật tự an toàn giao thông đường sắt Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... (2) Tổng giám đốc (3).....

Hình 2

3. Thời hạn sử dụng ghi trên thẻ không quá 05 năm, kể từ ngày cấp mới, cấp lại thẻ.

Điều 16. Thẩm quyền ký và phát hành thẻ kiểm tra an toàn

1. Thẻ kiểm tra an toàn do Tổng công ty ĐSVN phát hành theo số lượng và mẫu thống nhất trong quy định này.

2. Người có thẩm quyền ký phát hành thẻ kiểm tra an toàn là Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN.

Điều 17. Đối tượng được cấp thẻ kiểm tra an toàn

1. Hội đồng thành viên; Ban điều hành; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy Tổng công ty, Chủ tịch Công đoàn ĐSVN, Bí thư Đoàn TN Tổng công ty.

2. Lãnh đạo và các chuyên viên của Ban AN-ATGTĐS, Phân ban AN-ATGTĐS.

3. Lãnh đạo và chuyên viên thường xuyên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra an toàn thuộc các Ban: VT, ĐMTX (tối đa 05 người), QLKCHTĐS (tối đa 10 người);

4. Lãnh đạo và chuyên viên Phân ban QLKCHTĐS khu vực: 1, 2, 3.

5. Giám đốc, Phó giám đốc, lãnh đạo phòng GSKT&ATGTĐS và các chuyên viên phụ trách kỹ thuật, an toàn tại các Chi nhánh KTĐS.

6. Giám đốc, Phó giám đốc và lãnh đạo phòng An toàn – Nghiệp vụ thuộc Trung tâm điều hành vận tải đường sắt.

7. Trường hợp đặc biệt do Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định.

Điều 18. Nghĩa vụ của người được cấp thẻ kiểm tra an toàn

1. Xuất trình thẻ kiểm tra an toàn khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Sử dụng thẻ kiểm tra được cấp đúng mục đích.

3. Bảo quản thẻ và trả lại thẻ khi thay đổi vị trí công tác khác hoặc thôi không thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác đảm bảo ATGTĐS.

Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp thẻ kiểm tra an toàn

1. Thủ trưởng các đơn vị có đối tượng được cấp thẻ kiểm tra an toàn quy định tại Điều 17 của Quy định này căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức thực hiện đăng ký, có công văn đề nghị cấp thẻ kiểm tra an toàn kèm theo trích ngang các chức danh của CBVC thuộc đơn vị mình kèm theo mỗi người 01 ảnh 3x4 gửi về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS) để làm thủ tục cấp thẻ kiểm tra an toàn theo quy định này. Mỗi năm Tổng công ty ĐSVN chỉ xét và cấp thẻ mới một đợt vào quý I.

2. Ban AN-ATGTĐS có trách nhiệm kiểm tra các thông tin trong công văn đề nghị của các đơn vị trước khi trình Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN xem xét, cấp thẻ.

3. Văn phòng Tổng công ty ĐSVN có trách nhiệm làm các thủ tục in thẻ kiểm tra an toàn theo danh sách đã được Tổng giám đốc phê duyệt.

4. Các đối tượng được cấp thẻ kiểm tra an toàn quy định tại khoản 1, 2,3 Điều 17 của Quy định này có trách nhiệm ký nhận Thẻ trực tiếp tại Ban AN-ATGTĐS.

5. Đối với các đối tượng được cấp thẻ kiểm tra an toàn quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 17 của Quy định này thủ trưởng đơn vị ký nhận thẻ tại Ban AN-ATGTĐS, tổ chức giao thẻ cho từng cá nhân trong đơn vị mình và chịu trách nhiệm quản lý thẻ trong đơn vị theo quy định.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với người cấp và người được cấp thẻ kiểm tra an toàn

1. Ban AN-ATGTĐS và Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ cấp thẻ kiểm tra mà cấp không đúng đối tượng, trình tự, thủ tục quy định, tùy theo mức độ gây thiệt hại sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường vật chất theo quy định hiện hành.

2. Cá nhân có tên trong thẻ nếu vi phạm khoản 2 Điều 14 của Quy định này thì tùy theo mức độ gây thiệt hại sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường vật chất theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp để mất thẻ phải báo ngay cho thủ trưởng đơn vị quản lý biết. Nếu thẻ bị mất do nguyên nhân khách quan thì được xét cấp lại; nếu để mất thẻ do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường chi phí làm thẻ mới.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21: Chế độ báo cáo công tác kiểm tra

1. Trước ngày 25 hằng tháng, các đơn vị tổng hợp tình hình kiểm tra và xử lý sau kiểm tra của đơn vị, gửi báo cáo (theo mẫu) và thông báo kết quả kiểm tra trong tháng của đơn vị về Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS và Phân ban AN-ATĐS khu vực).

2. Phân Ban AN-ATGTĐS khu vực tổng hợp báo cáo của các đơn vị trong phạm vi quản lý gửi báo cáo Ban AN-ATGTĐS.

3. Ngày 01 đến 03 hằng tháng, Ban AN-ATGTĐS tổng hợp các báo cáo kiểm tra và kết quả xử lý sau kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty.

Điều 22: Khen thưởng, kỷ luật trong công tác kiểm tra

1. Các đơn vị làm tốt công tác kiểm tra, có nhiều biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn được các thiếu sót, vi phạm, báo cáo đúng kỳ hạn sẽ được khen thưởng.

2. Các đơn vị không thực hiện tốt công tác kiểm tra và chế độ báo cáo, Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Tổng công ty ĐSVN.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thi hành quy định này.

2. Người đại diện phân vốn của Tổng công ty tại các Công ty CPVTĐS, CPĐS, CPTTTHĐS có trách nhiệm đề xuất ý kiến với Ban điều hành công ty để xây dựng quy định kiểm tra theo đặc thù của từng đơn vị, trên cơ sở nội dung công tác kiểm tra của quy định này hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thực hiện.

Xây dựng các quy định về việc in, cấp thẻ kiểm tra an toàn trong nội bộ đơn vị.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị tổng hợp, báo cáo Tổng công ty ĐSVN (qua Ban AN-ATGTĐS) để xem xét, bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp./.